

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/DS-PT.

Ngày: 31/10/2022

V/v: “*Tranh chấp về đòi TS*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Hà;
Ông Đặng Văn Quyết.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng—
Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLPT- DS ngày 25/11/2021 về việc: “*Tranh chấp về đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 25/01/2022 và Quyết định tạm đình chỉ, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Ông Dương Văn H, sinh năm 1950, (vắng mặt);

Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957, (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957, vợ ông H, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là ông Dương Văn H do bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Ông Dương Văn H có vợ là bà Nguyễn Thị B. Bà Bích và bà Nguyễn Thị Đ có mối quan hệ quen biết từ năm 2006, (cùng là giáo viên). Năm 2015, bà Nguyễn Thị Đ đã rủ ông Dương Văn H tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp của Công ty Cổ phần liên kết kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang. Để làm đại lý bán hàng cho Công ty ông H phải nộp cho Công ty số tiền là 86.000.000 đồng. Sau một thời gian tìm hiểu về Công ty, ông H quyết định không tham gia làm đại lý cho Công ty nữa. Ngày 04/02/2015, tại Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang, ông H và bà Nguyễn Thị Đ có lập “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V” với nội dung:

“1- Ông Dương Văn H đồng ý chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua sản phẩm của ông tại Công ty CPLKSX-TM-VN mang mã số 0024195, ký ngày 30/1/2015 cho bà Nguyễn Thị Đ gồm 10 mã từ H bg 150 đến hiện bg 1050 có trị giá 86.000.000đ, (tám mươi sáu triệu đồng). Kể từ ngày 04/2/2015 bà Đ có toàn quyền hưởng các loại hoa hồng do Công ty Liên kết V chi trả bao gồm cả quyền bốc thăm trúng thưởng.

2- bà Nguyễn Thị Đ ký nhận vay của ông H số tiền 86.000.000đ, (tám mươi sáu triệu đồng), lãi suất là 1%/tháng, hạn trả lãi, (860.000đ vào ngày 28 âm lịch hàng tháng. Thời hạn cuối cùng bà Đ phải trả 86.000.000đ tiền gốc và lãi là 12/10/2015”.

Ông H, ký tên vào bên chuyển nhượng, bà Đ ký tên vào bên nhận chuyển nhượng. Bà Bùi Thị H1 ký tên và đóng dấu của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang với tư cách là người làm chứng.

Như vậy số tiền 86.000.000đ mà ông H nộp vào Công ty để ông H làm đại lý cho Công ty thì sau khi chuyển nhượng quyền làm đại lý cho bà Đ thì ông H không còn quyền lợi gì ở Công ty nữa. Bà Đ sẽ làm đại lý của Công ty thay ông H, nhưng bà Hiền không phải nộp tiền vào Công ty nữa mà bà Hiền đã ký nhận nợ với

ông H số tiền 86.000.000đ. Từ khi bà Đ ký nhận nợ ông H đến nay, bà Đ mới chỉ trả cho ông H được 06 tháng tiền lãi của số tiền trên (bà Đ đã trả lãi đến hết tháng 7/2015). Theo thỏa thuận thì đến ngày 12/10/2015, bà Đ phải trả tiền gốc cho ông H, ông H đã nhiều lần đòi tiền của bà Đ, nhưng bà Đ vẫn không trả tiền. Nay, đã quá hạn trả nợ, ông H khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả cho ông H số tiền gốc là 86.000.000đ, ông H không yêu cầu bà Đ phải trả tiền lãi.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông Dương Văn H có mối quan hệ quen biết. Bà có ký vào “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V” với ông H. Nhưng nội dung và chữ viết trong biên bản là do bà Bùi Thị H1 - Giám đốc Công ty Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang viết. Bà không được nhận tiền từ ông H. Nay, ông H yêu cầu bà phải trả cho ông H số tiền 86.000.000đ thì bà không đồng ý. Bà cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cung cấp cho Tòa án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện L áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b, khoản 3, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự”; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả vợ chồng ông Dương Văn H, bà Nguyễn Thị B số tiền là 86.000.000đ, (tám mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2021, bà Nguyễn Thị Đ nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho ông Dương Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Dương Văn H do bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Bà Nguyễn Thị Đ đã trình bày: Kể từ khi lập Biên bản thỏa thuận với ông H, bà là người đứng tên quyền sở hữu đối với số tiền 86.000.000đ và toàn bộ lãi suất, lợi tức phát sinh từ Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang. Tuy nhiên, việc bà đứng tên sở hữu số tiền trên chỉ là danh nghĩa vì đây là số tiền vợ chồng ông H nhờ bà đứng tên hộ để tránh việc các con của vợ chồng ông H, bà Bích phản đối. Cũng vì vậy khi Công ty thưởng 1,5 chỉ vàng cho đại lý thì bà đã nhận và mang về cho ông H. Còn tiền lãi theo Biên bản thỏa thuận được ký kết giữa các bên thì bà đã phải bỏ tiền riêng của mình ra để thanh toán cho ông H từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2015. Sau đó bà không thanh toán tiền lãi cho ông H được nữa do Công ty dừng hoạt động và do bà không có tiền để trả cho ông H. Từ khi Công ty dừng hoạt động đến nay bà cũng không được Công ty thanh toán một khoản tiền nào. Do bà chỉ đứng tên là thành viên của Công ty hộ ông H nên bà không đồng ý trả tiền cho ông H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Ông Dương Văn H do bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền đã trình bày: Việc bà Đ đã trình bày là bà Đ đã nhận của Công ty 1,5 chỉ vàng và giao lại cho ông H là không đúng. Sau khi 2 bên giao kết về việc chuyển nhượng quyền làm đại lý cho Công ty thì ông H không liên quan đến Công ty nữa. Mọi quyền lợi của ông H tại Công ty thì đều được Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang chi trả cho bà Đ. Điều này được bà Bùi Thị H1 - Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty tại Bắc Giang thừa nhận. Bà Miên cũng là người chứng kiến việc chuyển nhượng giữa các bên và xác nhận vào Biên bản.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Đ: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V (có Văn phòng đại diện tại Bắc Giang) là Công ty bán hàng đa cấp. Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh của

Công ty do Sở Công thương thành phố Hà Nội cấp thì Công ty kinh doanh máy khử độc; một số thực phẩm chức năng khác như đông trùng hạ thảo, Bồ nano vương; Dưỡng cốt vương....

Nguyên đơn là ông Dương Văn H do bà Nguyễn Thị B là người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Năm 2015, bà Nguyễn Thị Đ đã rủ ông Dương Văn H tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang. Để làm đại lý bán hàng cho Công ty ông H phải nộp cho Công ty số tiền là 86.000.000đ. Sau một thời gian tìm hiểu về Công ty, ông H quyết định không tham gia làm đại lý cho Công ty nữa.

Ngày 04/02/2015, tại Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang, ông H và bà Nguyễn Thị Đ có lập “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V” với nội dung:

“1- Ông Dương Văn H đồng ý chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua sản phẩm của ông tại Công ty CPLKSX-TM-VN mang mã số 0024195, ký ngày 30/1/2015 cho bà Nguyễn Thị Đ gồm 10 mã từ H bg 150 đến H bg 1050-Trị giá 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng). Kể từ ngày 04/2/2015 bà Đ có toàn quyền hưởng các loại hoa hồng do Công ty Liên kết Việt chi trả bao gồm cả quyền bốc thăm trúng thưởng.

2- bà Nguyễn Thị Đ ký nhận vay của ông H số tiền 86.000.000đ (tám mươi sáu triệu đồng), lãi suất là 1%/tháng, hạn trả lãi (860.000đ vào ngày 28 âm lịch hàng tháng. Thời hạn cuối cùng bà Đ phải trả 86.000.000đ tiền gốc và lãi là 12/10/2015”.

Ông H, ký tên vào bên chuyển nhượng, bà Đ ký tên vào bên nhận chuyển nhượng. Bà Bùi Thị H1 ký tên và đóng dấu của Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang với tư cách là người làm chứng.

Nay, ông H đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà Đ phải trả cho ông H số tiền 86.000.000đ.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc bà Đ trả cho ông H số tiền 86.000.000đ.

Sau khi xét xử, bà Đ kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm đã xử và trình bày: Bà Đ có ký vào “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V” với ông H. Nhưng bà Đ chỉ là đứng tên hộ ông H

để tránh việc phản đối của các con ông H; nội dung và chữ viết trong biên bản là do bà Bùi Thị Miên - Giám đốc Công ty liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang viết. Nhưng bà Đ không được nhận tiền từ ông H. Nay, ông H yêu cầu bà Đ trả cho ông H số tiền 86.000.000đ thì bà Đ không đồng ý.

Xét kháng cáo của bà Đ về việc bà Đ không đồng ý trả tiền cho ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang có Công văn số 27/CV-VP có nội dung: *“Đề nghị C46 Bộ Công an cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến số tiền 86.000.000đ theo 10 mã số từ H bg 150 đến hiện bg 1050 do Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang thực hiện thu”*.

Tại Biên bản làm việc ngày 01/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra (C46) Bộ công an đã cho biết: *“Phòng 12 C46 đã kiểm tra tài liệu có trong hồ sơ vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V thì thấy: Trong bảng kê danh sách thu tiền bộ phận Kế toán Công ty lập có 01 người (không ghi tên cụ thể họ tên, địa chỉ) nộp 86.000.000đ mua 10 mã sản phẩm với ID hiện bg 150 - hiện bg 1050, (phiếu thu số 14826 ngày 30/01/2015); Phiếu thu số 456 ngày 29/01/2015 của Văn phòng Công ty tại Bắc Giang thu 86.000.000đ tiền mua sản phẩm của ông Dương Văn H, địa chỉ xã Y, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng không có chữ ký ở phần “người nộp tiền” ngoài ra không có Hợp đồng, tài liệu khác có liên quan đến việc thu tiền nêu trên. Trong danh sách của những người bị hại đến trình báo tại Cơ quan điều tra không có tên ông Dương Văn H. Vì vậy không có căn cứ cung cấp cho Tòa án. Ngày 03/3/2016, Cục quản lý cạnh tranh Bộ Công thương đã có Quyết định số 101/QĐ-QLCT về việc thu hồi Giấy chứng nhận bán hàng đa cấp đối với Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V nên đến nay Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V không còn hoạt động”, (BL 07).*

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 490/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì Chủ tịch HĐQT (Lê Xuân G) và Phó TGD (Nguyễn Thị Th); Tổng GD (Lê Văn T) và một số các thành viên của Nhóm phát triển thị trường (Lê Thanh S; Trịnh Xuân S1; Nguyễn Xuân Tr; Vũ Thị Hồng D) đã bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do các đối tượng trên đã lừa dối khách hàng nộp tiền vào tài khoản của Công ty làm đại lý bán hàng cho Công ty rồi chiếm đoạt.

Theo kết luận giám định của Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia thì các thực phẩm chức năng mà Công ty kinh doanh không đủ chất lượng như công bố; Công ty không đủ điều kiện để tiêu thụ ra thị trường. Ai muốn tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp (khách hàng gọi là NPP) của Công ty phải ký Hợp đồng hợp tác bán hàng, nộp tiền mặt vào Công ty để mua mã sản phẩm, khai báo thông tin để mở tài khoản ID. Công ty sẽ kích hoạt tài khoản của khách hàng (NPP) trên hệ thống Website của Công ty và các NPP sẽ được Công ty khuyến mại sau khi mua các sản phẩm. Các đối tượng trên hứa hẹn với khách hàng là nộp tiền (mua mã) ký Hợp đồng hợp tác bán hàng với Công ty thì sẽ có quyền lợi là có thuốc để uống và nhận tiền thưởng, tiền hoa hồng với lãi suất cao. Ngoài ra nếu khách hàng kêu gọi được càng nhiều người tham gia nộp tiền cho Công ty thì sẽ nhận được nhiều tiền hoa hồng và tiền thưởng cao. Để làm đại lý bán hàng cho Công ty khách hàng phải nộp cho Công ty số tiền là 8.600.000đ hoặc 86.000.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Xuân G và các bị cáo Nguyễn Thị Th; Lê Văn T và một số bị cáo khác là thành viên của Nhóm phát triển thị trường gồm Lê Thanh S; Trịnh Xuân S1; Nguyễn Xuân Tr; Vũ Thị Hồng D phải trả cho 5.818 người bị hại tổng số tiền là 371.168.529.328 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án hình sự sơ thẩm số 490/2020/HSST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 531/2022/HSST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, cụ thể là: Bị cáo Lê Xuân Giang và các bị cáo Nguyễn Thị Th; Lê Văn T và một số bị cáo khác là thành viên của Nhóm phát triển thị trường gồm Lê Thanh S; Trịnh Xuân S1; Nguyễn Xuân Tr; Vũ Thị Hồng D phải trả cho 5.818 người bị hại tổng số tiền là 371.748.156.078đ.

Trong các danh sách 5.818 người bị hại theo các bản án hình sự nói trên thì không có tên ông H và bà Đ.

Như vậy, ban đầu ông H tham gia vào mạng lưới bán hàng đa cấp của Công ty Cổ phần liên kết Việt tại Bắc Giang, để làm đại lý bán hàng cho Công ty, ông H phải nộp cho Công ty số tiền là 86.000.000đ.

Theo ông H khai thì giữa ông H và bà Đ đã thỏa thuận về việc ông H chuyển nhượng quyền lợi của đại lý cho bà Đ để bà Đ trở thành đại lý của Công ty. Tại “Biên bản thỏa thuận cho vay tiền và chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần liên kết sản xuất thương mại V” được giao kết giữa các bên ngày 04/02/2015 gồm có 2 nội dung:

- Nội dung thứ nhất: Ông H chuyển nhượng cho bà Đ quyền sở hữu Hợp đồng mua sản phẩm của ông H tại Công ty;

- Nội dung thứ hai: Bà Đ vay của ông H số tiền 86.000.000đ chính là tiền mà ông H đã nộp vào Công ty trước đó.

Tại thời điểm hai bên giao kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu Hợp đồng mua bán sản phẩm của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V vào ngày 04/02/2015 thì Công ty vẫn còn hoạt động, (ngày 03/3/2016, Cục quản lý cạnh tranh Bộ Công thương mới có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận bán hàng đa cấp đối với Công ty, BL 07).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận chữ ký của bà Đ trong Biên bản ghi ngày 04/02/2015.

Xét thấy: Việc thỏa thuận giữa các bên về nội dung thứ nhất để bà Đ được tham gia vào làm thành viên Công ty với mục đích là để bà Đ được hưởng các quyền lợi của Công ty. Việc thỏa thuận này của bà Đ hoàn toàn tự nguyện và nội dung thỏa thuận này không trái pháp luật, bà Đ cũng không thắc mắc gì về nội dung này.

Việc thỏa thuận giữa các bên về nội dung thứ hai: Bà Đ vay của ông H số tiền 86.000.000đ, bà Đ còn thỏa thuận về thời hạn trả cho ông H số tiền 86.000.000đ vào ngày 12/10/2015. Bà Đ thừa nhận chữ ký của mình trong biên bản và bà Đ còn đồng ý trả tiền lãi cho ông H với mức lãi suất là 1%/tháng. Thực tế thì bà Đ đã trả tiền lãi cho ông H được 6 tháng trong năm 2015.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/12/2017, bà Bùi Thị H1 đã trình bày: “Năm 2015, tôi là Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang, (có con dấu và chức danh theo quy định của pháp luật). Khi đó ông H có nộp số tiền 86.000.000đ vào Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang để hưởng các quyền lợi do Công ty chi trả. Ông H được hưởng 10 mã số từ hiện bg 150 đến hiện bg 1050. Sau một thời gian, ông H đã chuyển nhượng cho bà Đ 10 mã số trên tương đương với số tiền số tiền 86.000.000đ. Hai bên lập Biên bản chuyển nhượng ghi ngày 01/02/2015 tại Văn phòng của Công ty tại Bắc Giang, tôi đã xác nhận vào biên bản này và đóng dấu của Văn phòng. Từ thời điểm các bên lập Biên bản thì bà Đ toàn quyền sở hữu 10 mã số trên và bà Đ được hưởng các quyền lợi do Công ty thanh toán cho bà Đ, việc Công ty đã thanh toán quyền lợi cho bà Đ như thế nào thì đã lâu nên tôi không nắm được. Ông H không được hưởng quyền lợi gì đối với Công ty nữa. Trước đó thì Công ty đã đăng ký hoạt động tại Sở Kế hoạch và Đầu

tư tỉnh Bắc Giang. Khi các phương tiện truyền thông đưa tin về các sai phạm của Công ty tôi đã đề nghị Công ty cho dừng hoạt động của Văn phòng đại diện Bắc Giang vào cuối năm 2015”, (BL 179).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2017, bà Đ đã trình bày: *“Kể từ khi lập Biên bản thỏa thuận với ông H, tôi là người đứng tên quyền sở hữu đối với số tiền 86.000.000đ và toàn bộ lãi suất, lợi tức phát sinh cũng như việc chi trả tại Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại V tại Bắc Giang. Tuy nhiên, việc tôi đứng tên sở hữu số tiền trên chỉ là danh nghĩa vì đây là số tiền vợ chồng ông H nhờ tôi đứng tên hộ để tránh việc các con ông H, Bích phản đối. Cũng vì vậy khi Công ty thưởng 1,5 chỉ vàng tôi đã nhận và mang về cho ông H còn lãi suất theo biên bản thỏa thuận thì tôi phải bỏ tiền riêng của mình ra đã thanh toán cho ông H theo đúng thỏa thuận từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2015. Sau đó tôi không thanh toán cho ông H được tiền lãi nữa do Công ty dừng hoạt động và do tôi không có tiền để trả cho ông H nữa. Từ khi Công ty dừng hoạt động đến nay tôi cũng không được Công ty thanh toán một khoản tiền nào. Do tôi chỉ đứng tên là thành viên của Công ty hộ ông H nên tôi không đồng ý trả tiền cho ông H, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật”, (BL 172).*

Như vậy, bà Đ cũng thừa nhận là bà Đ đã được hưởng quyền lợi của Công ty sau khi giao kết Hợp đồng chuyển nhượng với ông H như việc bà Đ đã nhận 1,5 chỉ vàng của Công ty. Bà Đ cho rằng ngay sau đó bà Đ đã đưa cho ông H 1,5 chỉ vàng này. Nhưng ông H không thừa nhận lời trình bày của bà Đ về việc bà Đ đã đưa cho ông H số vàng trên. Bà Đ cũng không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về nội dung này.

Với các chứng cứ trên phải xác định: Ông H và bà Đ đã thỏa thuận với nhau về việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của ông H tại Công ty cho bà Đ và bà Đ đã vay của ông H số tiền 86.000.000đ. Bà Đ khất với ông H là đến ngày 12/10/2015 sẽ phải trả tiền cho ông H. Đến hạn trả nợ nhưng bà Đ vẫn không trả tiền cho ông H. Nay, bà Đ cho rằng bà Đ không được nhận một khoản tiền của ông H là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc bà Đ phải trả cho ông H số tiền 86.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lẽ ra, bà Đ đã là khách hàng của Công ty thì bà Đ có quyền làm đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra xem xét bà Đ là người bị hại trong vụ án hình sự.

Do bà Đ không làm đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát Điều tra xem xét là người bị hại trong vụ án hình sự nên bà Đ vẫn có quyền khởi kiện đòi tiền đối với các đối

tượng gồm: Lê Xuân Giang; Nguyễn Thị Th; Lê Văn T; Lê Thanh S; Trịnh Xuân S1; Nguyễn Xuân Tr; Vũ Thị Hồng D bằng vụ án dân sự khác.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bà Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 45/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Toà án nhân dân huyện L đã xử:

Án phí DSPT: Bà Nguyễn Thị Đ không phải nộp án phí DSPT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền

